TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/DS-PT
Ngày: 16/5/2018
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương*, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2017/DS - ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2018/QĐ – PT ngày 12/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2018/QĐ-PT ngày 20/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh G, sinh năm 1972; địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1941; địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: khóm BT, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1977;

2. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị U, (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị U:

3.1. Bà Võ Thị B, sinh năm 1958; địa chỉ: khóm BT, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

3.2. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1960; địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

3.3. Ông Võ Minh T, sinh năm 1963; địa chỉ: khóm BT, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

3.4. Ông Võ Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

3.5. Ông Võ Minh V, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp LT, xã Ô, huyện CP, tỉnh A;

3.6. Ông Võ Minh Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp BL, xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

3.7. Ông Võ Minh G, sinh năm 1972; địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

4. Anh Võ Duy H, sinh năm 1989;

5. Anh Võ Duy T, sinh năm 1987;

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;

7. Ông Võ Minh V, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, anh T, bà L, ông V: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: khóm BT, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Anh Võ Minh G là nguyên đơn và bà Võ Thị M là bị đơn trong vụ án.

(Có mặt: Anh G, anh T, chị T; Vắng mặt: bà H, bà B, ông T; ông H, ông V, ông Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Võ Minh G trình bày: Ngày 22/7/2013 anh được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ số 53, diện tích 883,6m^2, đất tọa

lạc tại khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, Đồng Tháp, có nguồn gốc do cha anh tặng cho. Giáp ranh với đất của anh là thửa đất số 05, tờ bản đồ số 53 diện tích 384,1m^2 do hộ bà Võ Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

Đối với ranh giới quyền sử dụng đất thửa số 95 của anh và thửa số 05 của bà M, khoảng năm 2003-2004 cha anh và bà M đã có cắm trụ đá giáp lộ Cái Dâu để xác định ranh. Đồng thời vào năm 2013 khi anh được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 703 cũ sang bản đồ địa chính chính quy thửa số 95 thì bà M cũng đã ký xác định ranh giữa hai bên.

Năm 2014 bà M xây dựng nhà tường kiên cố đã làm mất trụ ranh cặp lộ Cái Dâu và lấn chiếm qua thửa đất 95 nên anh khởi kiện yêu cầu bà M phải giao trả phần đất lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế 18,6m^2 thuộc một phần của thửa đất số 95, tờ bản đồ số 53 do anh G đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chiều ngang cạnh giáp lộ Cái Dâu là 15,9m. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc hiện trạng đất tranh chấp thì chiều ngang phía trước cặp lộ Cái Dâu chỉ còn 15,2m. Do đó anh yêu cầu xác định ranh giới thửa số 95 với thửa số 05 của bà M là đường thẳng nối một mốc giáp lộ Cái Dâu từ vị trí thực tế anh đang sử dụng đo qua đất của bà M 0,7m (vị trí mốc M6) kéo thẳng cuối đất của bà M (vị trí mốc M5) theo sơ đồ đo đạc ngày 8/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Trên diện tích đất anh G yêu cầu gia đình bà M giao lại có 1 cây nhãn (theo anh G là do cha anh trồng khoảng 40 năm), 1 cây vải tự mọc và một phần nhà chính và một phần nhà phụ của bà M, anh G yêu cầu bà M và gia đình di dời nhà trả lại diện tích đất lấn chiếm theo ranh giới mà anh xác định.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Duy H, anh Võ Duy T, bà Nguyễn Thị L ông Võ Minh V là anh Nguyễn Minh T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 05 của bà M và thửa số 95 của anh G là của ông bà để lại cho cha mẹ bà M. Trong đó một phần cha, mẹ bà cất nhà ở, phần đất liền kề thì cha mẹ bà cho con gái là Võ Thị B (là chị gái của bà M và ông C) diện tích đất khoảng 600m^2 cất nhà ở. Sau khi bà B chết, năm 1978 con trai bà B là ông La Văn Á cho bà Võ Thị M 600m^2 đất trên vì nhà ở trước đây của bà M ở mé sông bị Nhà nước giải tỏa. Về phần đất có nhà của cha mẹ bà M, sau khi cha mẹ bà M chết thì anh trai bà M là ông C tiếp tục sử dụng, sau đó ông C cho lại ông G sử dụng hiện nay.

Khi được ông A cho đất, năm 1991 bà M đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 141, tờ bản đồ số 5A, diện tích 600m^2, đến năm 2011 được cấp đổi theo bản đồ địa chính chính quy thửa số 05, tờ bản đồ số 53, diện tích cấp giấy là 384,1m^2.

Giữa đất bà M và đất anh G từ trước đến nay không có gì để làm ranh, chỉ có con hẽm được sử dụng làm lối đi chung và con hẽm có từ lúc cha mẹ bà M còn sống, nên anh G và bà M mỗi người được quyền sử dụng phân nữa con hẽm

mới đúng ranh đất giữa hai bên. Bà M xác định phần đất anh G tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà M, trên đất có một phần căn nhà tường kiên cố của bà M đang ở hiện nay, một phần nền nhà cũ trước đây của bà M và các cây trồng lâu năm của gia đình bà M. Do đó, bà M không đồng ý di dời tài sản để trả phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 18,6m^2 theo yêu cầu của anh G. Bà M yêu cầu xác định ranh chung giữa quyền sử dụng đất của bà M và anh G là phần diện tích đất nối các mốc M2 đến M3, đến M5, đến M4 về M2 có diện tích 7,9m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV hiện tại anh G đang sử dụng.

- Tại bản án dân sự số 81/2017/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LV tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Võ Minh G.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng với thửa đất số 05 do hộ bà Võ Thị M đứng tên quyền sử dụng là:

+ Mốc M2: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G một cạnh có chiều dài 17,8m và cách góc nhà chính của bà Võ Thị M một cạnh có chiều dài 16,45m.

+ Mốc M4: Cách góc nhà chính của bà Võ Thị M một cạnh có chiều dài 1,57m.

+ Mốc M5: Là trụ đá có sẵn trên đất (là trụ đá được anh G và bà M thống nhất ranh đất), cách góc nhà sau của anh Võ Minh G có chiều dài 6m.

Nối mốc M2 đến mốc M4 đến mốc M5 thành các đường thẳng có chiều dài 44,14m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 và thửa đất số 5, đất tọa lạc tại khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2015 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh giới quyền sử dụng đất

3. Về án phí:

3.1. Anh Võ Minh G phải chịu 1.465.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 029852 ngày 12/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Anh G còn phải nộp them 1.265.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

3.2. Bà Võ Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Bà M chưa nộp).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.730.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), anh G và bà M mỗi người phải chịu 1.365.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Nhưng do anh G đã nộp xong, nên bà Muội phải hoàn trả lại anh G số tiền 1.365.000đ (Một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/12/2017 và ngày 09/12/2017, bà Võ Thị M là bị đơn, ông Võ Minh G là nguyên đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 81/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện LV.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Võ Minh G trình bày: Anh G yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh G và bà M là đường thẳng từ mốc M6 đến mốc M5 theo sơ đồ đo đạc ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Người đại diện của bị đơn bà Võ Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh H, anh T, bà L, anh V là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất của bà M với anh G là phần ranh chung có diện tích 7,9m^2 nằm trong phạm vi các mốc M2,M3,M5,M4 về M2, không đồng ý xác định ranh giới là đường thẳng nối từ mốc M6 đến M5. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G và buộc anh G phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Chị T là vợ của anh G, chị thống nhất theo lời trình bày của anh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh G; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, anh G và bà M mỗi người phải chịu số tiền theo tỉ lệ phần diện tích yêu cầu không được chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xác

định diện tích ranh chung 7,9m^2 nằm trong phạm vi các mốc M2,M3,M5,M4 về M2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của anh Võ Minh G về việc yêu cầu gia đình bà M giao trả diện tích đo đạc thực tế 18,6m^2 đất thuộc một phần của thửa đất số 95, tờ bản đồ số 53 do anh G đứng tên quyền sử dụng đất; yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa số 95 của anh với thửa số 05 của bà M là đường thẳng nối một mốc giáp lộ Cái Dâu từ vị trí thực tế anh đang sử dụng đo qua đất của bà M 0,7m (vị trí mốc M6) kéo thẳng cuối đất của bà Muội (vị trí mốc M5) theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ mà anh G xác định ranh đất với bà M là khoảng năm 2003 – 2004 giữa cha anh và bà M có cắm trụ đá giáp lộ Cái Dâu để xác định ranh đất, đến năm 2014 khi gia đình bà M xây dựng nhà đã làm mất trụ đá mà anh cho rằng tại mốc M6 theo sơ đồ đo đạc. Tuy nhiên, anh G không có chứng cứ gì chứng minh là vào năm 2003-2004 cha anh và bà M có cắm trụ đá xác định ranh, phía gia đình bà M cũng không thừa nhận là giữa bà M và ông C cha anh có cắm trụ đá cặp lộ Cái Dâu để xác định ranh đất với ông C.

- Về việc anh G trình bày khi anh được cấp đổi quyền sử dụng đất từ thửa 703 cũ sang bản đồ địa chính chính quy thửa số 95, bà M có ký giáp ranh với anh và khi đó chiều ngang phía trước cặp lộ Cái Dâu là 15,9m, theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất của anh chỉ có 15,2m, như vậy gia đình bà M đã lấn chiếm của anh chiều ngang 0,7m. Khi anh được cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy có tiến hành đo đạc xác định ranh đất với các chủ đất liền kề nên anh được cấp quyền sử dụng đất là 883,6m^2. Tuy nhiên,so với diện tích đo đạc thực tế anh đang sử dụng là 942,6m^2 thừa 59m^2 (chưa kể diện tích đất tranh chấp với bà M là 26,5m^2 và diện tích đất tranh chấp với ông Sĩ là 48,2m^2). Do đó, nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chưa chính xác nên việc xác định chiều ngang đất của anh có chênh lệch là điều có thể xảy ra.

Việc anh G trình bày cây nhãn trên diện tích đất tranh chấp là do cha anh trồng khoảng 40 năm nhưng cũng không có gì chứng minh và gia đình bà M cũng không thừa nhận và cho rằng là do anh V trồng và hiện nay đang do gia đình bà M quản lý sử dụng. Do anh G là người khởi kiện nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đồng thời diện tích đất trên thì gia đình bà M đã sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, khi bà M sửa nhà năm 2014 phía gia đình anh G cũng không có tranh chấp gì đến khi anh G làm hàng rào thì mới xảy ra tranh chấp với gia đình bà M.

Do đó việc anh G yêu cầu gia đình bà M di dời tài sản trả lại diện tích lấn chiếm 18,6m^2 và yêu cầu xác định ranh giới thửa số 95 của anh và thửa số 05 của bà M là đường thẳng nối từ mốc M6 đến mốc M5 theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Việc anh Trung đại diện theo ủy quyền của bà M cho rằng trước đây giữa nhà của bà M và nhà ông C (nay là nhà anh G) có một con hẽm dùng chung và ranh giới giữa hai thửa đất là ½ con hẽm và yêu cầu xác định ranh chung giữa quyền sử dụng đất thửa số 05 của bà với thửa số 95 của anh G có diện tích 7,9m^2 đất nằm trong phạm vi các mốc M2,M3,M5,M4 về M2 hiện anh G đang quản lý sử dụng Hội đồng xét xử xét thấy: diện tích 7,9m^2 đất nằm trong phạm vi các mốc M2,M3,M5,M4 về M2 anh G đã sử dụng ổn định trước đây không có tranh chấp. Đồng thời theo kết quả đo đạc diện tích đất thực tế mà gia đình bà M đang sử dụng là 391,8m^2 so với diện tích được cấp là 384,1m^2, thừa 7,7m^2 (chưa kể phần diện tích tranh chấp với anh G 26,5m^2) cũng không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên và căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất Hội đồng xét xử xét thấy ranh giới quyền sử dụng đất thửa số 95 của anh G và thửa số 05 của bà M là đường thẳng nối từ Mốc M2, đến M4, đến M5, theo sơ đồ đo đạc ngày 08/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV mà Tòa án nhân dân huyện LV đã xử là phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh G và bà M về phần này.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Do yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất của anh G và bà M không được chấp nhận nên anh G và bà M phải chịu tiền chi phí theo tỉ lệ diện tích đất yêu cầu không được chấp nhận trên tổng diện tích đất tranh chấp. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà M đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

[4] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của anh G không được chấp nhận nên ông G phải chịu tiền án phí phúc thẩm; yêu cầu kháng cáo của bà M được chấp nhận một phần nên bà M không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1, khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh G;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị M.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 81/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản.

4. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 05 do hộ bà Võ Thị M đứng tên quyền sử dụng đất gồm các mốc:

+ Mốc M2: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G một cạnh có chiều dài 17,8m và cách góc nhà chính của bà Võ Thị M một cạnh có chiều dài 16,45m.

+ Mốc M4: Cách góc nhà chính của bà Võ Thị M một cạnh có chiều dài 1,57m.

+ Mốc M5: Là trụ đá có sẵn trên đất (là trụ đá được anh G và bà M thống nhất ranh đất), cách góc nhà sau của anh Võ Minh G có chiều dài 6m.

Nối mốc M2 đến mốc M4 đến mốc M5 thành các đường thẳng có chiều dài 44,14m là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 và thửa đất số 05, đất tọa lạc tại khóm BH, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2015 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 08/9/2017).

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên được xác định từ không gian đến lòng đất theo chiều thẳng đứng, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh giới quyền sử dụng đất

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Anh Võ Minh G phải chịu 1.465.000đ (Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 029852 ngày 12/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh G còn phải nộp tiếp 1.265.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

5.2. Bà Võ Thị M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Bà Muội chưa nộp).

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Anh G phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 02121 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV

6.2. Bà M được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02123 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.730.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), anh G phải chịu 1.916.000đ; bà M phải chịu 814.000đ. Nhưng do anh G đã nộp tạm ứng và chi xong, nên bà M phải hoàn trả lại anh G số tiền 814.000đ.

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện LV;
- Chi cục THADS huyện LV;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Nước